

BẢO TỒN VÀ PHỤC HỒI DI TÍCH HẮC Y

(xã Tân Lĩnh, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái)

QUỐC CƯỜNG*

Di tích Hắc Y, xã Tân Lĩnh, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái đã được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận Di tích Quốc gia tại Quyết định số 38/2001/QĐ-BVHTT ngày 12/7/2001, với 8 địa điểm được xác định là: chùa - tháp Hắc Y, chùa Bến Lăn, Ao Vua, Trường Đua, chùa Đông, đền Đại Cại và núi Thần Áo Đen.

Kể từ năm 1995, khi lần đầu phát hiện Di tích Hắc Y với một số dấu tích có tầm quan trọng đặc biệt, đến nay di tích đã được 3 lần thám sát và 4 lần khai quật với sự tham gia của các nhà khảo cổ học của Viện Khảo cổ học Việt Nam và Sở Văn hóa - Thông tin Yên Bái, mà trực tiếp là Bảo tàng tỉnh Yên Bái. Các điểm được khai quật là đôi Hắc Y và Bến Lăn, với tổng diện tích lên tới hàng nghìn mét vuông, đã đem lại những kết quả rất khả quan, góp phần cho chúng ta hiểu biết tương đối rõ về quy mô và kết cấu của khu di tích này với các loại hình di tích kiến trúc khác nhau.

Từ lâu, nhiều nhà nghiên cứu về di sản văn hóa dân tộc đã nhận thấy những bước đi của lịch sử và xã hội gắn rất chặt với bước đi của di sản văn hóa vật thể và cả phi vật thể. Vì thế, những phát hiện mới của cơ quan Văn hóa địa phương và ngành Khảo cổ học bao giờ cũng là một bến tìm tới của những người làm công tác

di sản và văn hóa dân gian nói chung. Phát hiện Khảo cổ học ở khu di tích Hắc Y và các di tích liên quan là một điểm quan tâm đặc biệt, ít nhất là các cán bộ bảo tồn của Cục Di sản văn hóa và các cán bộ khác trong ngành. Tuy rằng, thời gian chưa đủ để sự suy nghĩ của chúng ta có thể đưa ra được những nhận định chính xác về kết quả của cuộc khai quật... nên bài viết của chúng tôi cũng chỉ dừng lại ở sự suy nghĩ bước đầu, mong góp phần đi tìm tới một chân lý sáng tỏ hơn trong tương lai về khu di tích này.

Để làm "bệ đỡ" cho những nhận định sơ khởi, chúng tôi muốn được đề cập lại đôi nét về kết quả khai quật¹.

1. Di tích

Khu di tích Hắc Y là một quần thể chùa được coi là xây dựng từ thời Trần với 3 khu vực là chùa Bến Lăn, chùa Hắc Y, chùa Đông, trong đó Bến Lăn là chùa chính, hai chùa còn lại nhỏ hơn. Ba khu chùa này nằm cách nhau khoảng 1km, với chùa Bến Lăn là trung tâm.

1. Di tích chùa Hắc Y

Di tích này gồm một chùa, một tháp lớn và một hệ thống tháp nhỏ, nằm trên một quả đồi đất cao khoảng 60m so với xung quanh, giáp ngã ba sông Chảy và suối Đại Cại. Chùa và tháp được dựng trên gần đỉnh đồi, có diện tích khoảng 400 - 500m², mặt chùa quay về hướng Đông chệch Nam 20°.

- *Chùa*: tại nền chùa còn phát hiện được dấu vết 4 ụ sỏi. Chùa có thể có kết cấu 3 gian 4

hàng chân cột, diện tích nền là 13m x 8,0m = 104,0m². Dấu tích cho thấy, có thể, chùa được lợp bằng ngói bản rộng với các loại mũi tròn, mũi hài, cánh én, ngói ống. Ngói cánh én thường được gắn với lá để cân xứng lợp ở điểm mái. Nóc có gắn lá đề lệch, chính giữa nóc có 1 lá đề lớn, hình thức cân đối, các bờ dải có gắn chim uyên ương. Ở khu giữa của nền chùa là nơi phát hiện ra tiền đồng cổ, đồ thờ, tượng chim phượng. Có thể đây là bệ thờ chính của ngôi chùa. Tuy nhiên, tại đây không tìm thấy chân tảng cánh sen mà chỉ còn lại 11 chân tảng đá được ghè đẽo sơ sài không có hình dáng ổn định, chủ yếu có một mặt phẳng để kê chân cột, ngoài ra còn rất nhiều ngói lợp, lá đề, mảnh tháp được đập vỡ để lát vỉa nền chùa.

- *Tháp*: đây là một tòa tháp khá lớn, nằm ở phía trước ngôi chùa, chếch về phía bên phải, tháp không có móng sỏi, có thể có một lớp gạch dày lát phần chân, tiếp đến là chân tháp, tầng đài sen thân tháp và chóp tháp, chân tháp rộng 2,7m, cao đến đài sen là 1,65m, tháp có thể có nhiều tầng, hoa văn gồm các dạng thủy ba (sóng nước), cúc dây và hoa chanh. Các tháp nhỏ được bố trí gần xung quanh tòa tháp lớn, càng xa tòa tháp chính, dấu vết của các tháp nhỏ càng mờ nhạt. Tuy nhiên, do bị vỡ vụn nên không rõ ở đây có bao nhiêu tháp nhỏ.

2. Di tích chùa Dõng

Do bị san ủi, hoàn toàn mất dấu vết, nên không thể khảo cứu được chi tiết di tích này. Căn cứ số liệu hiện vật thu được, có thể cho rằng, đây là một ngôi chùa, có kết cấu tương tự như chùa Hắc Y. Tại đây thu được 4 chân tảng cánh sen, cùng nhiều lá đề, gạch xây chữ nhật, ngói lợp, chim phượng, đầu lân, vòi voi, lon sành. Tuy nhiên, không tìm thấy các thành phần của tháp, có thể đây chỉ có chùa. Mặc dù về cơ bản khá giống với Hắc Y và Bến Lăn, song chùa Dõng đã có một phong cách khác, như lá đề không chỉ có loại khắc chim phượng mà còn có loại lá đề trang trí cặp sừng, hòn ngọc, các mảng trang trí hình chim. Chân tảng có cánh sen đầu vuốt nhọn. Đây có thể là một ngôi chùa có niên đại muộn hơn Hắc Y và Bến Lăn.

3. Di tích chùa Bến Lăn

Trong khu chùa tháp ở Hắc Y thì khu chùa tháp Bến Lăn hiện được biết là rộng nhất, với một hệ thống chùa và tháp nhiều nhất và tiêu biểu nhất.

Di tích nằm giữa một thung lũng bằng phẳng và kéo dài mang tên Làng Sâng, quay mặt về hướng Đông Nam, từ đây đi sang hướng Tây Nam là chùa Hắc Y, sang hướng Đông Bắc là chùa Dõng (đều cách Bến Lăn khoảng 1km). Bên trái là núi Thần Áo Đen và núi Con Ngựa, bên phải là dãy đồi thấp hơn chạy men theo Sông Chảy, phía trước là thung lũng dài, có suối Đại Cại chảy qua. Phía sau là một dải đất cao bằng phẳng.

Di tích nằm gọn trong một bức tường đá có hình gần chữ nhật với diện tích 6.713,6m². Trong đó có các thành phần kiến trúc chính là: chùa và các công trình nhà khác (6 - 8 kiến trúc), hơn một chục tòa tháp đất nung, đoạn đường ống thoát nước, lò gốm sứ. Dưới đây là những điểm chính của thành phần di tích này:

- Bức tường đá bao quanh di tích: có chu vi là 340,4m, diện tích trong tường đá là 6.713,6m², có 4 cạnh rõ rệt, tường dày 1,5m, được xếp bằng các phiến đá hộc, gắn kết với nhau bằng bùn đất (?). Ở giữa được nện đất, hai bên xếp đá tạo nên sự liên kết chắc chắn. Móng tường được nện một lớp sỏi khoảng 20 - 30cm. Nhiều đoạn đã bị hủy hoại, đoạn phía Đông Nam và giáp phía Đông Bắc là còn khá rõ rệt; mặt tường cũng bị san gạt, nay chỉ còn một phần, chỗ cao nhất trên 80 cm. Chính hướng Đông Nam có một cửa rộng trên 10m, có lẽ đây là cửa chính thông ra suối Đại Cại. Bức tường Đông Bắc có 2 cửa phụ thông ra Ao Vua.

Di tích được chia thành 2 khu: khu trên là ngôi chùa, khu dưới là hệ thống tháp, ở giữa dọc theo di tích hướng Tây Bắc - Đông Nam là khoảng trống, có thể là khu vực sân chạy suốt từ kiến trúc trung tâm đến cửa chính Đông Nam.

Trong di tích, cách tường phía Đông Nam 27,4m và gần như song song với bức tường khu tháp là bức tường có 3 cửa: 2 cửa phụ giáp 2 bức tường bao hai bên; cửa giữa thông ra cửa chính của tường bao, đoạn tường này dày 0,5m, dấu vết còn lại chỉ cao khoảng từ 0,2 - 0,3m. Cũng có một lớp sỏi nện làm móng.

Tại khu vực bên trái, gần bức tường ngăn còn có dấu vết của một đoạn đường ống thoát nước dài 4,55m. Có thể di tích có một hệ thống cống tròn thoát nước như vậy, với đường kính 35cm, dài không đều nhau (từ 0,4 - 0,6m) phân thân đặt xuống đất bị cắt khuyết.

- Về kiến trúc nhà: có dấu vết của 6 kiến trúc, trong đó 5 kiến trúc chạy men theo các bức tường đá, chỉ có 1 kiến trúc nằm ở giữa di tích. Cả 5 thành phần kiến trúc trên đều còn lại dấu vết những lớp ngói đổ ken dày thành lớp. Tại kiến trúc 1 và 3 (theo sơ đồ) có nhiều tượng chim phượng, rồng, nhiều mảng phù điêu hoa văn hoa sen và hoa cúc (ốp bệ thờ). Kiến trúc 2 (trung tâm) quy mô 149m², có 16 ụ sỏi, còn vết gạch ngói bó nền, đây là kiến trúc nhà 1 gian có hiên chạy xung quanh. Ba kiến trúc trên có thể là những kiến trúc thành phần của ngôi chùa. Các kiến trúc 4, 5, 6 không có dấu vết vật thờ, đồ thờ. Ngoài 6 kiến trúc trên, phía sau kiến trúc 2, có một điểm tìm thấy nhiều ngói vỡ, tượng chim phượng, lá đề, có thể đây cũng là một ngôi chùa, song đã bị xáo trộn quá nặng nề. Trong 6 kiến trúc còn lại chỉ có kiến trúc số 2 là lợp ngói mũi tròn, ngói cánh én trơn và cánh én gắn lá đề. Các kiến trúc 1, 3, 4, 5, 6 đều lợp ngói mũi lá. Các chân tảng ở trên mặt tạc cánh sen lớn (đều là của kiến trúc số 2). Rõ ràng đây là kiến trúc chính. Lúc đầu chúng tôi nghĩ, đây có thể là một gác chuông song xét toàn diện thì thấy đây là một ngôi chùa, và là ngôi chính điện của khu chùa tháp này. Hai bên phải, trái là 2 ngôi nhỏ hơn, khu vực tháp có 3 kiến trúc nữa (4, 5, 6), có thể đây không phải là chùa chính.

- Hệ thống tháp: toàn bộ tháp đều nằm ở khu vực phía Nam của di tích, được ngăn cách bởi một bức tường đá nhỏ, có 3 cửa thông sang.

Các dấu vết của 13 tòa tháp, đều cho thấy là tháp đất nung, quy mô nhỏ, với móng tháp rộng hơn 1,0m. Dưới cùng là móng sỏi được nện chặt, tiếp đến là móng đá học, đá tuy không định hình song được đặt ngay ngắn, có ý thức sắp xếp, gắn kết bằng bùn đất. Để tháp là bậc tam cấp đất nung khá già, cũng có đế tháp chỉ có hai cấp. Tiếp đến là đài sen, trên là các tầng tháp, chóp tháp là phần nhô cao có hình bông sen. Hiện có 2 tháp còn khá nguyên vẹn (đặc biệt là tháp số 2) đã được làm nhà che bảo vệ. Tháp số 6 không còn dấu vết, mà chỉ căn cứ vào tính đối xứng của 2 dãy tháp để đoán định. Tháp 11 chỉ còn phần móng, với cạnh: 4,0m, nếu là tháp thì đây là một tòa tháp lớn, tuy nhiên không hề có một chi tiết nào của tòa tháp này còn lại. Tháp 12 chỉ còn vài viên đá học vương vãi (có thể là của móng tháp). Từ những dữ liệu trên, thì chưa hẳn toàn bộ các kiến trúc này đã là những tòa tháp. Tại tháp 7 và 10 thu được một mảnh tường và ở một tầng tháp có chữ Hán. Tháp số 7 còn khá đầy đủ gồm 8 dòng với 79 chữ. Mảnh tường tháp số 10 cũng có 8 dòng chữ, song do bị vỡ mất một phần cũng chưa rõ nghĩa. Tuy chưa dịch được chính xác, song cũng thấy trong các dòng chữ



Thủy ba chất liệu đất nung (Chùa Hắc Y) - Ảnh: Tư liệu Báo cáo khai quật

này không đề cập đến tên chùa, năm xây dựng và người dựng chùa. Các tòa tháp này được chế tác khá đẹp, hoa văn trang trí khá cầu kỳ, gồm cánh sen, hoa chanh, hoa cúc dây nổi hoặc dưới dạng phù điêu. Tháp số 2 còn gần như nguyên vẹn với tư thế đổ nằm, có đủ 9 tầng, cao khoảng 2,6m.

- Cửa chính của khu chùa ăn thông ra suối Đại Cại. Ở đây còn dấu vết của một nền móng cầu thời cổ.

- Đường ống thoát nước: chỉ còn lại một đoạn bằng đất nung dài 4,55m ở khu kiến trúc số 5, gần giáp đoạn tường bao phía Đông Bắc; các ống được lắp ghép lại với nhau, mỗi ống dài 40 - 60cm, đường kính 35cm.

- Lò nung gốm sứ: ở ngay phía trước nền chùa chính, hiện đã phát hiện được nền của 2 lò nung còn đậm đặc vết than và vài mảnh sứ trong lò. Cửa lò quay về hướng Tây Bắc, bầu lò dài 1,5m, rộng khoảng 60cm. Hai lò này nằm cạnh nhau.

- Bạc thêm đá: ngay phía sau nền chùa chính, nơi có dấu vết của bạc thêm đất nung, dưới bạc thêm đất nung này có một bạc thêm đá dày 18cm, rộng 40cm, dài 1,2m. Trong di tích còn vương vãi hàng chục mảnh bạc thêm như vậy.

II. Di vật

Cuộc khai quật đã tìm được hàng nghìn hiện vật kiến trúc như gạch, ngói, chân tảng, các loại phù điêu, bệ thờ, cùng các loại hiện vật đồ sứ, kim loại, đất nung khác.

Loại hình hiện vật gồm có vật liệu xây dựng, phù điêu trang trí, vật liệu tháp, tượng tròn, đồ gia dụng và đồ thờ cúng tổ tiên.

1. Chùa Hắc Y

Vật liệu xây dựng chùa có gạch xây chữ nhật, mảnh gạch lát nền, gạch trang trí, ngói mũi tròn, mũi lá, ngói âm dương, các loại lá đề cân, lá đề lệch, ngói ống trang trí ở đầu.

Các tháp nhỏ: đều vỡ vụn chỉ thu được một số tầng tháp, gồm 15 mảnh tháp nhỏ cùng rất nhiều đầu đao, hình lá, trong đó có một tầng tháp ghi chữ Hán, song không còn đọc được vì quá mờ.

Tòa tháp lớn: nay tất cả các chi tiết của tòa tháp này đã được thu về, và mới phục dựng lại được phần chân tháp đến lớp cánh sen (cao 1,65m), chân tháp rộng 2,7m, khắc hoa văn thủy ba (sóng nước) gồm 5 lớp, tiếp

đến là phần giạt 4 cấp khắc văn cúc dây, phần đài sen có 2 lớp là loại cánh sen nở. Các tầng tháp do bị vỡ vụn, chưa phục hồi được, tháp được mô phỏng theo kiến trúc gỗ, có hệ thống đấu và con sơn, mái ngói ống, cửa vòm 4 xung quanh. Tường trang trí hoa chanh 4 cạnh.

Tượng tròn gồm, chim uyên ương (3 con), mảnh chân voi (1 mảnh), tất cả đều là đất nung và đều bị vỡ không còn nguyên lành.

Đồ sứ gồm, bát (1 chiếc), âu (1 chiếc), đĩa (1 chiếc), chân tước (1 chiếc)...

Đình đĩa có 31 chiếc, được sử dụng để đóng mái chùa.

Kéo sắt có 1 chiếc.

Tiền cổ có 167 đồng, trong đó có 8 đồng tiền Việt Nam, niên đại sớm nhất là Trị Bình Nguyên Bảo (Lý Cao Tông 1205 - 1210), muộn nhất là Nguyên Phong Thông Bảo (Trần Thái Tông 1251 - 1258) còn lại 159 đồng tiền Trung Quốc có niên đại muộn nhất là Thuận Hy nguyên bảo (Tống Triết Tông 1174 - 1175), chủ yếu phát hiện được tại khu vực giáp trung tâm của ngôi chùa.

2. Di tích chùa Đông (thống kê những hiện vật đã đem về Bảo tàng Yên Bái)

Vật liệu xây dựng có 4 chân tảng cánh sen, 4 lá đề có hình sừng, 12 mảnh lá đề cân, một mảnh lá đề lệch, 1 phần của lá đề lớn trang trí hai mặt (của nóc mái?), các thành phần của bệ thờ (cánh sen, gạch trang trí, bệ có văn cuốn móc, phù điêu rồng không còn đầu). Tượng có một mảnh thân của rồng, một đầu chim phượng, một đoạn vòi voi.

3. Di tích chùa Bến Lăn

Khối lượng hiện vật lớn nhất gồm:

- Vật liệu xây dựng chùa: chân tảng (12 chiếc), cối cửa (1 chiếc), gạch xây (6 viên), gạch lát có văn hoa chanh (2 viên), ngói mũi tròn, mũi hài, mũi hài gắn lá đề, cánh én gắn lá đề, ngói bờ nóc gắn lá đề lệch, ngói mũi lá, ngói âm dương...

- Các loại phù điêu ốp bệ thờ có in hoa cúc, hoa sen, cúc dây, các loại phù điêu cắm.

- Đình đĩa, đình nóc có 2 chiếc.

- Tượng tròn có: Thích ca sơ sinh (1 mảnh đầu), Adidã (1 mảnh đầu), Di lạc (1 mảnh thân), rồng (4 con), chim phượng (6 con), lân (1 con), voi (1 con), lợn (1 con), uyên ương (4 con), chim thần garuda (1 con), tượng Phật

giáo đều là tượng nhỏ trên tòa cửu long. Tượng vật có một số đặt trên nóc chùa, còn lại là tượng thờ.

- Các đồ thờ và đồ gia dụng bằng sứ, sành, đất nung có các loại bình, nậm, âu, chậu, thạp sứ, lon, vại, nồi, bát, đĩa, đài sen, chén, cốc thừ men, bệ tượng tròn có hoa sen...

- Tiền cổ có 78 đồng, trong đó có 7 đồng tiền Việt Nam (2 đồng thời Lý, 5 đồng thời Trần), 71 đồng tiền Trung Quốc (sớm nhất là đồng Ngũ thù, muộn nhất là thời Tống).

Ngoài ra, ở đây còn thu được một số hiện vật, đặc biệt là 1 khuôn đúc chim uyên ương bằng đất nung, nhiều đồ sứ phế phẩm bị méo, dính, nhiều viên gạch, ngói bị cong, vênh... chúng tỏ vật liệu xây dựng, đồ thờ và đồ dùng đã được sản xuất tại chỗ.

Hầu hết di vật đều đã bị vỡ, nát vụn, chỉ có vài di vật còn lành là lon sành, gạch xây, ngói lợp. Điều này cho thấy, khu di tích này đã bị hủy hoại nặng nề trong nhiều thời kỳ.

III. Một số kết quả bước đầu và việc phục hồi, tôn tạo di tích Hắc Y

Kết quả khai quật như nêu trên khiến chúng ta rất vui mừng về một di sản đã từng bị quên trong lịch sử, nay được thức dậy để tham gia vào việc xây dựng nền văn hóa chung theo tinh thần Nghị quyết 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII. Các hiện vật đã khai quật được là một thực tế khách quan, song, nó chỉ có thể phát huy tác dụng nếu chúng ta nhìn nhận chân xác về chúng. Những ý kiến sau đây của chúng tôi không nên nghĩ là sự phản bác lại nhận định của các nhà khảo cổ học mà thực chất chúng tôi mong giữa thực tế và những bước đi của lịch sử cần phải có sự đồng nhịp, cụ thể là:

- Không ai cãi rằng di sản này khởi nguồn từ thời Trần, bởi về mặt địa lý, ngôi chùa được nằm trên đồi gần một con sông giao thông là sông Cháy. Mặt khác, có một vài đầu phượng như bằng đá mài ít nhiều mang phong cách thế kỷ XIII, XIV tới tận thế kỷ XVI, rồi tiền có niên đại muộn nhất vào thời Trần. Với những chứng cứ khá cụ thể như đã nêu, cho chúng ta nhìn lại một vấn đề lịch sử mà từ lâu ít người quan tâm. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* cùng nhiều sách sử khác và kết quả nghiên cứu gần đây, nhất là của các nhà dân tộc học mỹ thuật, thì thực sự không gian chính trị và văn hóa của nhà Lý vẫn

rất hẹp, chủ yếu ở vùng châu thổ thấp của sông Hồng (cụ thể như chiến tuyến phòng chống quân Tống đã phải nằm trong địa vực trực trị của triều đình nên chiến tuyến này chỉ có thể ở bờ Nam sông Cầu, các vùng xa còn nằm trong sự quản lý trực tiếp của các tù trưởng tộc người thiểu số, họ liên kết với triều đình qua chính sách Kimi. Tới thời Trần, chính sách Kimi có chặt chẽ hơn nhiều, đó là một xu hướng đi dần tới thống nhất cộng đồng. Vào thời kỳ này, nước ta cũng như nhiều cư dân trên thế giới chịu nạn xâm lược của quân Nguyên Mông. Tuy rằng với ba lần chiến thắng, lịch sử đã chấm một nét son rực rỡ vào thời kỳ này, nhưng để có nét son đó, nhà Trần đã có những chính sách khá chặt chẽ đối với các vùng biên viễn, nhất là quanh những con đường mà quân xâm lược có thể đi qua. Là người làm di sản văn hóa, chúng tôi đã nhìn thấy những địa điểm tiền đồn, mà thời gian sau gần như đều chuyển hóa thành chùa, cụ thể như: Yên Tử (Quảng Ninh) là một trọng điểm để quan sát vùng cửa sông trên đất Bắc (Bạch Đằng), chùa Hương (Hà Tĩnh) là tiền đồn để theo dõi đường đi của Ô Mã Nhi từ Chiêm Thành đánh ngược ra đất Bắc, cũng như thế, ở lĩnh vực đường bộ, ít nhất tới nay chúng ta đã gặp di chỉ vừa mang tính chất tiền đồn, vừa mang tính chất chùa trên vùng núi cao ở Hạ Hòa (Phú Thọ), rồi ở Khuân Khoai (Tuyên Quang) có cả dấu tích từ thời Lý và đặc biệt là dấu tích thời Trần.

Chúng tôi còn nhận thấy, bia thời Trần xuất hiện cả tại Hà Giang và nhiều nơi khác... vì thế, di tích Hắc Y thoảng có dấu tích của nhà Trần nằm trên đồi ven sông Cháy, mà đương thời là vùng đất Kimi, đã cho chúng ta ngờ rằng, chùa cũng mang tư cách một tiền đồn như những ngôi chùa ở vùng sâu, vùng xa kể trên của đương thời.

Đặt vị trí địa lịch sử trên nền tảng di sản đã có của di tích này, chúng tôi mong rằng, chúng ta sẽ đánh giá sâu sắc hơn về giá trị của di sản trên bước đường phát triển của lịch sử dân tộc. Một ngôi chùa mang nhiều giá trị như trên đã nêu, bao giờ cũng được người hậu sinh quan tâm một cách đặc biệt. Vì thế, những di tích đó luôn luôn được bảo quản, tu bổ, tôn tạo là lẽ đương nhiên. Và, chính những hiện vật bổ sung sau, ở một lĩnh vực nào đó, lại có giá trị cao hơn nếu chỉ thuần có dấu tích của nhà Trần. Chúng

tôi không muốn gán ghép theo định đề như vừa đặt ra, nhưng bằng vào những nét tạo hình, chúng tôi cần thấy phải trao đổi lại về giá trị và niên đại một số hiện vật đã được khai quật. Cụ thể như sau:

Một là: tuy chưa được xem một cách đầy đủ, kỹ càng về các mảnh gạch, ngói đã tìm thấy, nhưng dựa vào báo cáo khảo cổ và những ảnh minh chứng khiến chúng tôi ngờ rằng, những hiện vật đất nung ấy đã được rải ra ở một trường thời gian khá rộng và phần nào liên tục có thể đến tận thời Nguyễn.

Hai là: một số hiện vật kể cả chim, phượng, những vật mang hoa văn dây leo rồi ngói ống... và các hình tượng có hình hoa chanh, vừa có nhiều nét gần gũi với thời Trần, Mạc kể cả hậu Lê và các thời sau, mặt khác, nhiều khi chúng không theo những chuẩn mực quen thuộc, đó là các cánh sen vuông dẹt và võng mũi, thân cánh lượn chéo và khá dài, đây là một hiện tượng khá xa lạ với cánh sen có niên đại khá cụ thể vào thời Trần, rồi những cánh sen kép 3 hoặc những cánh sen uốn kiểu lá đề là những nghi vấn đáng quan tâm; một đề tài khác là những cặp sừng bắt chéo, tuy ở thời Lý và Trần đã có, nhưng chúng chỉ là những mô típ được điểm trong một tổng thể. Cặp sừng như ở chùa Đông phần nào giống với ở tháp Bình Sơn, mà từ 1974 có một số nhà nghiên cứu mỹ thuật đã không công nhận tháp này của thời Trần mà là sản phẩm của thời Mạc. Điều đó dẫn chúng ta nghĩ tới những cặp sừng ở trên bệ tượng gỗ của chùa Thầy, chùa Dâu và nhiều nơi khác là sản phẩm của thế kỷ XVI tới đầu thế kỷ XVII. Bằng vào sự so sánh những cặp sừng này, theo chúng tôi, chúng có phần gần gũi hơn với phong cách Mạc. Có nghĩa là tại di tích này sự đóng góp của con người dưới thời Mạc, hình như, đã để lại cho chúng ta nhiều sự suy nghĩ. Lần giở lịch sử và những thực tế của di sản thì quanh nơi này cũng đã có thành nhà Mạc và một số truyền thuyết liên quan, đó là điều chúng ta không thể bỏ qua.

Ba là: trong nhiều hiện vật được xếp vào thời Trần, như những lá đề đất nung hay những sóng hình nấm và một số hiện vật khác, chúng tôi như thấy chuẩn mực của thời Lý và thời Trần bị giải thể, cụ thể như chiếc lá đề đất nung trang trí chim phượng ở chùa Đông.

Quốc Cường: Bảo tồn và phục hồi di tích Hắc Y...

Trong chiếc lá đề này, vành ngoài là một đường diềm như tạo nên vây mà cũng chẳng phải là vây; vây của thời Lý, Trần thường có tính riêng biệt cho từng chiếc, nhưng ở đây những đường hằn lõm tưởng như ngăn cách, lại chỉ như một hoa văn ấn sâu vào nền của mép lá (dạng con nòng nọc không có ở thời Lý, Trần). Mặt khác, chiếc lá đề nổi ở trong lòng lại để thừa một khoảng trống khá lớn ở phía dưới. Tất cả cách biểu hiện đó như mang nhiều sự tùy tiện, ít nhiều có tính dân gian không chính thống, mà như chúng tôi nghĩ đó như là một biểu hiện suy lạc của nhận thức. Khi xem tới các tảng đất nung khắc hoa văn sóng ở chùa Hắc Y, có thể nghĩ rằng, về đại thể (lướt qua) nó chịu ảnh hưởng rất đậm của những sóng hình nấm thời Lý, nhưng nếu “sóng” của thời Lý mang hình thức trau chuốt, nuột nà, thì ở đây lại biểu hiện tính chất tùy tiện, không còn giữ được giá trị biểu tượng gốc của nó nữa. Cụ thể như, lớp sóng nước ở dưới cũng không còn lượn sóng đều, thấp, mà nó trở thành những ụ chứa trong lòng những đường cong thiếu tư duy. Sóng hình nấm ở trên có dáng vẻ gần giống thời Lý, Trần và phần nào của Lê Sơ, song sự học hỏi này tỏ ra không tới nơi, tới chốn nên hiện tượng kép nhiều lớp và nét ngắt không đồng đều...

Bốn là: những quả lồi to nhỏ ở chùa Đông không hề thấy tương đồng với bất kể quả lồi nào từ thời Trần, thời Mạc và cả thời Lê Trung Hưng nữa, rồi đầu lân ngậm ngọc ở chùa Đông có chữ ghi “Bạch Đình liệt tác”, hiện tượng ghi chữ trên mép đầu lân như thế, xưa nay chưa hề gặp ở những hiện vật của thời Lý, Trần.

Ở đây chúng tôi mới chỉ điểm qua một vài hiện vật, tuy không phải là tất cả, chúng tôi mong rằng, qua cuộc khai quật này, chúng ta sẽ tìm ra được nhiều vấn đề lịch sử còn đang mờ tỏ để tìm tới chân lý, nhằm làm nền tảng khoa học cho việc tu bổ, tôn tạo di tích này, xứng tầm với giá trị của nó (Tất nhiên việc tu bổ, tôn tạo cần phải được cả Hội đồng Khoa học về Bảo tồn Di tích của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cùng tham gia góp ý).

QC

Chú thích:

1- Bài viết này có dựa theo Báo cáo khai quật khảo cổ Di tích Hắc Y, xã Tân Lĩnh, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái của Viện Khảo cổ học và Bảo tàng Yên Bái.